

Bản án số: **32 /2019/HS-ST**
Ngày **30 /07 /2019**.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Dự và ông Vũ Đức Bính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 29/2019/ TLST- HS ngày 21 tháng 06 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 07 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Văn T, sinh năm 1986; giới tính: Nam; Nơi ĐKKHKT và trú tại: xóm 6, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Phạm Văn S, sinh năm 1960 và bà Phan Thị H sinh năm 1958; vợ là Nguyễn Thị N sinh năm 1986; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014.

Tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 25/3/2019 đến nay. Có mặt

- Người bị hại:

+ Anh Đỗ Văn S1, sinh năm 1980, trú tại xóm 5, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (tử vong ngày 19/02/2019).

Người đại diện hợp pháp của bị hại Đỗ Văn S1: chị Nguyễn Thị H1, trú tại xóm 5, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Trung K, sinh năm 1980, trú tại xóm 1, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị H, trú tại xóm 5, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt

- **Người làm chứng:** Anh Nguyễn Văn B; anh Lại Văn P, chị Vũ Thị T1, bà Phạm Thị L. Tất cả đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 19/02/2019, tại đường đê B 1, đoạn thuộc khối 13 thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Phạm Văn T là người có giấy phép vận hành máy xúc theo quy định, điều khiển máy xúc nhãn hiệu HITACHI EX – 120 đi từ dưới chân đường đê lên trên đường đê để về nhà. Do đường đê cao, nên T đã sử dụng gầu máy xúc bám vào mép đường bên kia lấy đà cho máy xúc đi lên. Trong quá trình thực hiện, không có ai hỗ trợ, T không có tín hiệu gì cảnh báo cho các phương tiện qua lại trên đường. Khi xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode mang BKS: 35K1 – 239.91 do anh Đỗ Văn S1 điều khiển chở sau anh Nguyễn Trung K đi trên đường đê theo hướng K – K tới gần T đã không quan sát thấy vì bị tay cần máy xúc che khuất tầm nhìn, vẫn tiếp tục điều khiển tay cần máy xúc vươn qua đường đê B 1 nên gầu máy xúc đã va chạm với phần đầu anh S1. Hậu quả, anh S1 tử vong tại chỗ, anh K bị thương ở vùng đầu phải đi điều trị tại bệnh viện Việt Đức, xe mô tô bị hư hỏng nhẹ.

Cơ quan công an huyện K đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện, khám nghiệm tử thi. Trong quá trình điều tra thu giữ một số vật chứng: gồm máy xúc nhãn hiệu HITACHI EX – 120; xe mô tô nhãn hiệu nhãn hiệu Honda SH Mode mang BKS: 35K1 – 239.91; 01 bằng nghề lái máy xúc mang tên Phạm Văn T.

Tại bản kết luận giám định pháp y tử thi số 13/2019/KLGD-PC54-PY ngày 27/02/ 2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Ninh Bình kết luận: nguyên nhân tử vong của anh Đỗ Văn S1 là do chấn thương sọ não(vỡ xương sọ, tổ chức não dập nát thoát ra ngoài); nồng độ cồn trong máu là của anh Đỗ Văn S1 là 277,6mg/100ml.

Đối với anh Nguyễn Trung K, cơ quan điều tra đã ra quyết định trưng cầu giám định tỷ lệ % sức khỏe nhưng anh K từ chối giám định sức khỏe bị thiệt hại của mình.

Sau khi sự việc xảy ra bị cáo Phạm Văn T đã tham gia cấp cứu người bị nạn; đã bồi thường cho gia đình anh S1 số tiền là 100.000.000 đồng; Bồi thường tiền thuốc men, viện phí cho anh K 40.000.000đ. Gia đình anh S1 và anh K không có yêu cầu, đề nghị gì thêm. Về chi phí sửa chữa chiếc xe mô tô BKS 35K1-239.91 chị H1 vợ anh S1 xin tự khắc phục không yêu cầu bồi thường.

Vật chứng thu giữ trong quá trình điều tra cơ quan công an đã trả lại xe mô tô nhãn hiệu nhãn hiệu Honda SH Mode mang BKS: 35K1 – 239.91 là tài sản chung của anh S1 và vợ cho chị Nguyễn Thị H1 (vợ anh S1). Trả lại cho bị cáo T 01 máy xúc nhãn hiệu HITACHI EX – 120.

01 bằng nghề lái máy xúc mang tên Phạm Văn T chuyển đến chi cục thi hành án dân sự huyện K để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bản cáo trạng số 30/CT-VKS ngày 18/06/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

- Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 260; các điểm b,s khoản 1 và 2 Điều 51 Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 18 tháng đến 21 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 42 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung cấm hành nghề đối với bị cáo.

Giao bị cáo Phạm Văn T cho UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình, nơi bị cáo cư trú thi hành giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

- Căn cứ Điều 106, 136 BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: Trả lại cho bị cáo 01 bằng nghề lái máy xúc mang tên Phạm Văn T.

Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” của mình. Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Phạm Văn T trong các lời khai tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay khai nhận như sau: chiều ngày 19/02/2019 sau khi làm công việc múc đầm được thuê, đi từ dưới chân đường đê lên trên đường đê để về nhà điều khiển máy xúc nhãn hiệu HITACHI EX – 120. Do đường đê cao, nên bị cáo đã sử dụng gàu máy xúc bám vào mép đường bên kia lấy đà cho máy xúc đi lên. Trong quá trình thực hiện, không có ai hỗ trợ, bị cáo không có tín hiệu gì cảnh báo cho các phương tiện qua lại trên đường nên khi xe mô tô do anh Đỗ Văn S1 điều khiển chở sau anh Nguyễn Trung K đi trên đường đê theo hướng K – K tới gần T đã không quan sát thấy vì bị tay cần máy xúc che khuất tầm nhìn, bị cáo vẫn tiếp tục điều khiển tay cần máy xúc vuron qua đường nên gàu máy xúc đã va chạm với phần đầu anh S1. Hậu quả, anh S1 tử vong tại chỗ, anh K bị thương ở vùng đầu phải đi điều trị tại bệnh viện Việt Đức, xe mô tô bị hư hỏng nhẹ.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo còn phù hợp với lời khai của người bị hại còn sống Nguyễn Trung K, những người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án; phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện; kết luận giám pháp y tử thi số 13/2019/KLGD-PC54-PY ngày 27/02/ 2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Ninh Bình.

[3] Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận: chiều ngày 19/02/2019 Trong quá trình điều khiển máy xúc nhãn hiệu HITACHI EX – 120 vào tham gia giao thông trên đường đê B I của bị cáo Trường không quan sát được bên phải vì che khuất tầm

nhìn nhưng không nhờ người ai hỗ trợ, không có tín hiệu cảnh báo cho các phương tiện qua lại trên đường nên điều khiển tay cần máy xúc vươn qua mép đường bên kia lấy đà cho máy xúc đi lên thì gầu máy xúc đã va chạm với phần đầu anh S1 người điều khiển xe mô tô do chở sau anh Nguyễn Trung K đi trên đường đi theo phần đường bên phải hướng đi tới. Hậu quả, anh S1 tử vong tại chỗ, anh Kiên bị thương ở vùng đầu. Hành vi đó của bị cáo đã vi phạm vào khoản 23, Điều 8 và khoản 3 điều 24 Luật giao thông đường bộ

[4] Bị cáo T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có giấy phép lái xe phù hợp với loại xe điều khiển biết khi cho xe chuyên dùng là máy xúc không quan sát và thực hiện đúng quy trình trong việc vận hành xe và rất dễ gây ra tai nạn nhưng bị cáo chủ quan không đánh giá được sự nguy hiểm này nên đã dẫn đến hậu quả anh S1 tử vong tại chỗ, anh K bị thương ở vùng đầu. Như vậy đã có đủ căn cứ xác định bị cáo Phạm Văn T đã phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” thuộc trường hợp “Làm chết người” quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

[5] Bị cáo phạm tội do lỗi vô ý nhng hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng; mặc dù được đại diện hợp pháp của người bị hại làm đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Tuy nhiên hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến an toàn giao thông gây hậu quả nghiêm trọng làm 01 người chết và 01 người bị thương; vì vậy hành vi phạm tội của bị cáo không được xem xét miễn truy cứu trách nhiệm hình sự mà cần phải xử lý nghiêm túc pháp luật; đồng thời cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo; để giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung

[6] Khi lượng hình xét thấy: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, tại phiên tòa tỏ thái độ ăn năn hối cải; tích cực bồi thường, khắc phục thiệt hại xảy ra; được bị hại và người đại diện hợp pháp của người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đó là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo được quy định tại các điểm b, s Khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Xét tính chất mức độ phạm tội thấy : bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt; người bị hại cũng có một phần lỗi khi điều khiển xe mô tô tham gia giao thông có nồng độ cồn vượt hơn ba lần mức cho phép nên không phát hiện việc máy xúc của bị cáo chuẩn bị tham gia thông trên đường để xử lý, không đội mũ bảo hiểm nên hậu quả khi va chạm xảy ra nặng nề; bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo đủ điều kiện áp dụng điều 65 BLHS khi áp dụng hình phạt đối với bị cáo và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ giáo dục bị cáo thành người công dân có ích.

[8] Bị cáo hành nghề lái máy xúc là nghề nghiệp chính, nguồn thu nhập từ làm nghề là thu nhập chính của gia đình nên không áp dụng hình phạt bổ sung cấm hành nghề lái xe đối với bị cáo.

[9] Về vấn đề trách nhiệm dân sự: Bị cáo T đã bồi thường cho gia đình anh S1 số tiền là 100.000.000 đồng; Bồi thường tiền thuốc men, viện phí cho anh K số tiền 40.000.000đ. Về chi phí sửa chữa chiếc xe mô tô BKS 35K1-239.91 chị H1 vợ anh S1 xin tự khắc phục không yêu cầu bồi thường. Tại phiên tòa những người bị hại không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét về vấn đề này.

[10] Về số vật chứng thu giữ, trong quá trình điều tra, cơ quan công an đã trả lại xe mô tô nhãn hiệu nhãn hiệu Honda SH Mode mang BKS: 35K1 – 239.91 cho chị Nguyễn Thị H1 (vợ anh S1); Trả lại cho bị cáo T 01 máy xúc nhãn hiệu HITACHI EX – 120; việc trả lại các vật chứng trên cho bị cáo và bị hại của cơ quan điều tra căn cứ quy định Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS là phù hợp

[11] Vật chứng còn lại 01 bằng nghề lái máy xúc mang tên Phạm Văn T không liên quan đến vụ án căn cứ quy định Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS cần trả lại cho bị cáo

[12] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[13] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên cơ quan điều tra Công an huyện K và Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng do đã thực hiện đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và 65 BLHS 2015.

Điều 47 BLHS năm 2015; Điều 106, 136 BLTTHS năm 2015 và Nghị Quyết 326/2016/NQUBTVQH14.

1. Tuyên bố: bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” .

2. Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 36 tháng kể từ ngày tuyên án.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự hai lần trở lên thì tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo cho UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thi hành án treo và thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

3. Xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo 01 bằng nghề lái máy xúc mang tên Phạm Văn T.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K.
- Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.
- Bị cáo, đại diện bị hại, bị hại.
- Lưu văn phòng, hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Phạm Thế Anh